

CHÍNH SÁCH ĐỔI MỚI SÁNG TẠO MỞ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Huy Công¹

Trung tâm Công nghệ Vi điện tử và Tin học

Lê Hùng Lâm

Trường Đại học Giao thông vận tải

Nguyễn Hoàng Hải

Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo

Tóm tắt:

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế của mọi quốc gia, không chỉ vì chiếm số lượng lớn trong tổng số các loại hình doanh nghiệp mà còn vì khả năng linh hoạt và đóng góp vào sự phát triển kinh tế. DNNVV thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số doanh nghiệp, tạo ra nhiều việc làm và đóng góp đáng kể vào GDP của địa phương và quốc gia. Bài báo tìm hiểu và lượng hóa các nhân tố ảnh hưởng đến đổi mới sáng tạo mở trong DNNVV, nhóm nghiên cứu tiếp cận đổi mới sáng tạo (ĐMST) từ tiếp cận cung - cầu sử dụng phương pháp định tính kết hợp định lượng từ kết quả khảo sát 38 doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội, Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 8 nhân tố đề xuất ban đầu đều có ảnh hưởng tích cực đến ĐMST mở ở các doanh nghiệp, trong đó nhân tố nguồn lực tài chính (FR), thị trường cạnh tranh (CM), nghiên cứu và phát triển (RD) là 3 nhân tố có tác động lớn nhất đến ĐMST mở tại DNNVVs. Từ đó, tác giả đề xuất một số giải pháp chính sách mang tính đột phá nhằm tăng cường ĐMST mở tại DNNVVs của thành phố Hà Nội trong thời gian tới.

Từ khóa: Đổi mới sáng tạo mở; Chính sách; Tiếp cận cung-cầu; Doanh nghiệp nhỏ và vừa; Hà Nội.

Mã số: 24110401

OPEN INNOVATION POLICY FOR SMALL AND MEDIUM ENTERPRISES IN HANOI CITY

Summary:

Small and Medium Enterprises (SMEs) play an important role in the economy of every country, not only because they represent a large proportion of the total number of businesses but also due to their flexibility and contribution to economic development. SMEs typically account for a large share of total businesses, generate numerous jobs, and make significant contributions to the local and national GDP. This paper explores and quantifies the factors affecting open innovation in SMEs. The research team adopts an innovation approach from the supply-demand perspective, using a mixed-methods approach that combines qualitative and quantitative analysis, based on a survey of 38 businesses operating in Hanoi, Vietnam. The research findings show that all eight initially proposed factors have a positive impact

¹ Liên hệ tác giả: Huycongimet@gmail.com

on open innovation in businesses in Hanoi. Among these, the factors of financial resources (FR), competitive market (CM), and research and development (R&D) have the greatest impact on open innovation in SMEs in Hanoi. Based on these findings, the author proposes several breakthrough policy solutions to enhance open innovation in SMEs in Hanoi in the coming period.

Keywords: Open innovation; Policy; SMEs; Supply-demand approach; Hanoi.

1. Đặt vấn đề

Trong thời đại của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, ĐMST mở trở thành yếu tố then chốt để các DNNVV cạnh tranh và phát triển. ĐMST không chỉ giúp các doanh nghiệp cải thiện sản phẩm và dịch vụ, mà còn nâng cao hiệu suất và khả năng thích ứng với thị trường (Schwab, 2016; Trần, 2021)

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, SMEs Việt Nam chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số doanh nghiệp, tạo ra hàng ngàn việc làm và góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp. Các doanh nghiệp này đóng góp khoảng 45% GDP và 31% tổng thu ngân sách nhà nước, đồng thời tạo ra hơn 5 triệu việc làm (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2023)

Tại Hà Nội, Các DNNVV cũng đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế địa phương, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số doanh nghiệp và đóng góp không nhỏ vào ngân sách thành phố (Hà Nội Portal, 2021). Theo thống kê, Hà Nội hiện có khoảng 29.000 DNNVV, chiếm khoảng 97% tổng số doanh nghiệp; Tổng số đăng ký trong 3 tháng đầu năm 2024 là 6.969 doanh nghiệp (UBND TP Hà Nội, 2024).

Năm 2019, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 97/2019/QH14, thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội. Năm 2024, Thành phố Hà Nội đã chủ động phối hợp với các bộ, ngành Trung ương tham mưu Chính phủ trình Quốc hội ban hành Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 ngày 28/6/2024 quy định vị trí, vai trò của Thủ đô; chính sách, trách nhiệm xây dựng phát triển, quản lý và bảo vệ thủ đô. Luật Thủ đô cho thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hà Nội; Theo đó các nhà nghiên cứu, các tổ chức nghiên cứu khoa học lấy kết quả nghiên cứu tham gia góp vốn cùng doanh nghiệp; ưu đãi về thuế, ưu đãi sử dụng nhà xưởng và được hỗ trợ kinh phí mua sắm thiết bị phòng thí nghiệm thuộc doanh nghiệp là một trong những thay đổi quan trọng để hiện thực hóa thành phố ĐMST.

Việt Nam đã đạt được những thành tựu phát triển ấn tượng trong 30 năm qua, với tăng trưởng bình quân 7% từ năm 1988, dẫn đến thu nhập bình quân đầu người tăng gần gấp năm lần. Nhờ mở cửa thương mại và đầu tư, Việt Nam đã thu hút được lượng lớn doanh nghiệp đầu tư nước ngoài và tạo nhiều việc làm trong lĩnh vực sản xuất và xuất khẩu. Hiện nay, Việt Nam là nhà xuất khẩu điện thoại thông minh lớn thứ hai thế giới và sản xuất hơn 40% sản phẩm điện thoại của Samsung (World bank, 2020).

Tuy nhiên, Việt Nam đang đối mặt với những thách thức chưa từng có, đòi hỏi phải thúc đẩy ĐMST để duy trì và nâng cao mức độ phát triển. Các thách thức bao gồm suy giảm tăng trưởng kinh tế và thương mại toàn cầu; chúng ta chưa theo kịp tốc độ phát triển công nghệ nhanh chóng trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp 4.0 và những khó khăn kinh tế do đại dịch COVID-19 mang lại.

Việc ứng dụng và phát triển các công nghệ mới, đặc biệt là công nghệ kỹ thuật số, mang đến cơ hội nâng cao năng suất và khả năng thích ứng của doanh nghiệp. Sự thay đổi nhanh chóng về công nghệ sẽ định hình lại chiến lược sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu của doanh nghiệp Việt Nam. Các mô hình kinh doanh mới, doanh nghiệp khởi nghiệp dựa trên nền tảng kỹ thuật số và các công ty siêu ứng dụng như ZaloPay, Momo, mang lại nhiều triển vọng hứa hẹn.

Đổi mới sáng tạo mở (Open Innovation) là xu hướng hiện đại, cho phép các doanh nghiệp sử dụng ý tưởng và công nghệ từ bên ngoài cũng như chia sẻ nội dung bên trong doanh nghiệp với đối tác bên ngoài. Điều này giúp các DNNVV tận dụng được nguồn lực và tri thức từ bên ngoài, từ đó thúc đẩy quá trình đổi mới một cách hiệu quả hơn (Chesbrough, 2003; Gassmann, Enkel & Chesbrough, 2010).

ĐMST mở không chỉ giúp các DNNVV cải thiện năng lực cạnh tranh mà còn đóng góp vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế quốc gia nói chung và địa phương nói riêng. Việc nghiên cứu và đề xuất các giải pháp phát triển ĐMST mở trong các DNNVV tại Hà Nội sẽ giúp các doanh nghiệp tận dụng được tối đa tiềm năng của mình, đóng góp vào sự phát triển kinh tế-xã hội của Thành phố và Quốc gia (Chesbrough, 2003; Gassmann, Enkel & Chesbrough, 2010).

Với đặt vấn đề chi tiết như trên, mục tiêu nghiên cứu đưa ra chính sách thúc đẩy ĐMST mở trong các DNNVV tại Hà Nội, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh và sự phát triển bền vững của doanh nghiệp cũng như nền kinh tế địa phương Hà Nội, góp phần thực hiện chiến lược và mục tiêu trở thành Thành phố ĐMST toàn diện trong tương lai.

2. Khái niệm và mô hình nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm

Đổi mới sáng tạo mở (Open Innovation)

Là một khái niệm được Henry Chesbrough giới thiệu vào đầu những năm 2000. Theo Chesbrough (2003), đổi mới sáng tạo mở là phương pháp mà các tổ chức khai thác các nguồn lực, ý tưởng từ cả bên trong và bên ngoài tổ chức để thúc đẩy sự phát triển của các sản phẩm, dịch vụ và quy trình mới.

Khởi nghiệp và hệ sinh thái đổi mới

Khởi nghiệp ứng dụng công nghệ mang đến các ý tưởng giải pháp công nghệ mới, có khả năng đổi mới nhanh chóng và linh hoạt. Các doanh nghiệp lớn

trên thế giới thường hợp tác với các doanh nghiệp khởi nghiệp thông qua các chương trình ươm tạo, tăng tốc, với sự tham gia tài trợ vốn mạo hiểm từ các quỹ đầu tư và các liên kết chiến lược để khám phá và phát triển các giải pháp sáng tạo (Chesbrough, 2006).

Các hệ sinh thái đổi mới bao gồm các trung tâm ươm tạo khởi nghiệp (incubator) và các mạng lưới hỗ trợ giúp kết nối các công ty, nhà đầu tư, quỹ đầu tư mạo hiểm và các viện nghiên cứu, trường đại học. Những hệ sinh thái này tạo điều kiện cho sự hợp tác và chia sẻ tri thức, góp phần thúc đẩy ĐMST mở (Chesbrough, 2006).

Đổi mới bền vững và trách nhiệm xã hội

Các công ty đang tìm cách phát triển các sản phẩm và quy trình bền vững để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Đổi mới bền vững bao gồm việc sử dụng nguyên liệu tái chế, giảm lượng khí thải và phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường (Chesbrough & Bogers, 2014).

Các công ty cũng chú trọng đến trách nhiệm xã hội bằng cách đảm bảo rằng các hoạt động của mình có lợi cho cộng đồng và xã hội. Điều này bao gồm việc thực hiện các dự án cộng đồng, hỗ trợ các chương trình phát triển xã hội và đảm bảo các điều kiện làm việc công bằng (Chesbrough & Bogers, 2014).

2.2. Một số mô hình nghiên cứu đổi mới sáng tạo mở

Mô hình hợp tác

Hợp tác với các đối tác: các DNNVV hợp tác với các công ty, tổ chức nghiên cứu, hoặc viện nghiên cứu để cùng phát triển sản phẩm hoặc giải pháp mới (Chesbrough, 2003).

Mạng lưới đối tác: Tham gia vào các mạng lưới ngành hoặc cụm công nghiệp để trao đổi kiến thức và công nghệ (Chesbrough, 2006).

Mô hình tài trợ cho đổi mới sáng tạo

Quỹ đầu tư: Tham gia vào các quỹ đầu tư mạo hiểm hoặc quỹ đổi mới để huy động vốn cho các dự án ĐMST (Chesbrough, 2012).

Chương trình hỗ trợ: Tận dụng các chương trình hỗ trợ từ chính phủ hoặc tổ chức phi lợi nhuận dành cho ĐMST (Miller, 2014).

Mô hình mua bán công nghệ

Mua bán bằng sáng chế: Mua lại hoặc cấp phép công nghệ từ các công ty khác để tích hợp vào sản phẩm hoặc dịch vụ của doanh nghiệp (Arora & Gambardella, 1994).

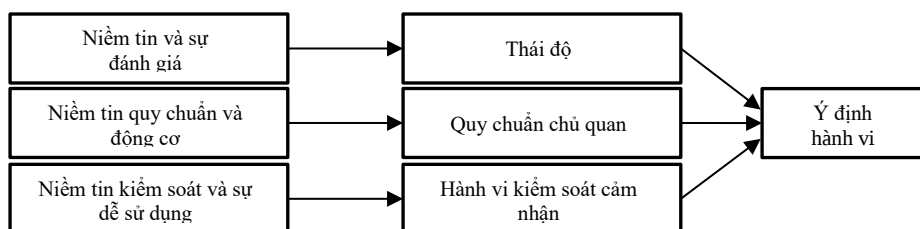
Đàm phán cấp phép: Đàm phán và cấp phép sử dụng công nghệ của các đối tác khác để tiết kiệm chi phí và thời gian phát triển (Jensen & Thursby, 2001).

2.3. Một số lý thuyết liên quan

Lý thuyết này tập trung vào sự tương tác giữa các thành phần trong hệ sinh thái ĐMST, bao gồm:

a. Lý thuyết hành vi có kế hoạch - Theory of Planned Behavior (TPB)

Mô hình TPB được phát triển dựa trên lý thuyết hành động hợp lý cho rằng ý định hành vi dẫn đến hành vi và ý định được quyết định bởi thái độ cá nhân đối với hành vi, cùng sự ảnh hưởng của chuẩn chủ quan xung quanh việc thực hiện các hành vi đó (Fishbein và Ajzen, 1975). Trong đó, thái độ và chuẩn chủ quan có tầm quan trọng trong ý định hành vi. TPB được bổ sung bằng cách thêm vào một biến nữa là hành vi kiểm soát cảm nhận. Nó đại diện cho các nguồn lực cần thiết của một người để thực hiện một công việc bất kỳ. Mô hình TPB được xem như là tối ưu hơn đối với TRA trong việc dự đoán và giải thích hành vi của người tiêu dùng trong cùng một nội dung và hoàn cảnh nghiên cứu.



Nguồn: Ajzen, 1991

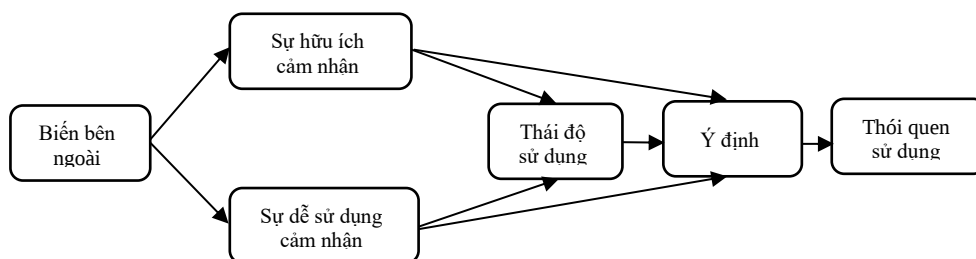
Hình 1. Thuyết hành vi có kế hoạch

ĐMST cần xuất phát từ lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB) vì hành vi đổi mới trong DNNVV chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi ý định thực hiện của các nhà quản lý và nhân viên. Theo TPB, ý định này được định hình bởi ba yếu tố chính: thái độ đối với đổi mới (nhận thức về lợi ích và rủi ro), chuẩn mực xã hội (sự ủng hộ từ cộng đồng, đối tác, và các bên liên quan), và nhận thức về kiểm soát hành vi (niềm tin vào khả năng thực hiện đổi mới). Nếu không hiểu và tác động đến các yếu tố này, các nỗ lực thúc đẩy đổi mới sẽ thiếu cơ sở và khó thành công. TPB cung cấp một khung lý thuyết rõ ràng để phân tích các rào cản tâm lý, xã hội, và tổ chức, từ đó xây dựng các chính sách và giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện đổi mới một cách hiệu quả và bền vững.

b. Lý thuyết chấp nhận công nghệ (TAM-Technology Acceptance Model)

Một công cụ hữu ích trong việc giải thích ý định chấp nhận sản phẩm mới là mô hình chấp nhận công nghệ (TAM). Theo Legris và các cộng sự (2003), mô hình chấp nhận công nghệ đã dự đoán thành công khoảng 40% việc sử dụng một hệ thống mới. Lý thuyết về mô hình chấp nhận công nghệ được trình bày ở Hình 2.

Hai yếu tố của mô hình là sự hữu ích cảm nhận và sự dễ sử dụng cảm nhận. Cảm nhận về sự hữu ích là cấp độ mà cá nhân tin rằng sử dụng một hệ thống đặc thù sẽ nâng cao kết quả thực hiện của họ. Cảm nhận về sự dễ sử dụng là cấp độ mà một người tin rằng sử dụng một hệ thống đặc thù sẽ không cần nỗ lực. Hai yếu tố đó sẽ tác động đến thái độ sử dụng, từ đó hình thành ý định sử dụng và quyết định sử dụng thực tế.



Nguồn: Legris, et al. (2003)

Hình 2. Mô hình chấp nhận công nghệ

ĐMST cần xuất phát từ Lý thuyết Mô hình Chấp nhận Công nghệ (TAM) vì việc ứng dụng công nghệ mới là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sáng tạo trong DNNVV. Theo TAM, hai yếu tố cốt lõi ảnh hưởng đến quyết định chấp nhận công nghệ là: tính hữu ích và tính dễ sử dụng. Nếu công nghệ không được nhận thức là mang lại lợi ích rõ ràng hoặc quá phức tạp để áp dụng, doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn trong việc triển khai các giải pháp đổi mới. TAM giúp các nhà hoạch định chính sách và doanh nghiệp hiểu rõ hơn cách thiết kế, giới thiệu và hỗ trợ công nghệ mới nhằm tăng cường sự chấp nhận, từ đó thúc đẩy quá trình ĐMST một cách hiệu quả và thực tế hơn.

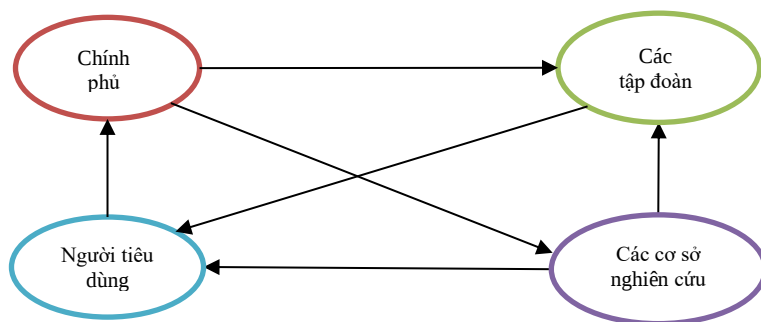
c. Lý thuyết hệ sinh thái đổi mới sáng tạo (Innovation Ecosystem Theory)

ĐMST phải xuất phát từ lý thuyết Mô hình Hệ sinh thái ĐMST vì nó nhấn mạnh sự tương tác và hợp tác giữa các yếu tố khác nhau trong một hệ sinh thái, bao gồm chính phủ, doanh nghiệp, viện nghiên cứu và người tiêu dùng. Mỗi thành phần này đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp tài nguyên, tri thức, công nghệ và phản hồi, giúp thúc đẩy quá trình ĐMST. Hệ sinh thái này giúp tạo ra một môi trường thuận lợi để các ý tưởng mới có thể phát triển và được triển khai hiệu quả, đồng thời đảm bảo rằng các chính sách và nguồn lực được điều phối một cách đồng bộ và bền vững.

Các thành phần chính trong mô hình Hệ sinh thái ĐMST bao gồm:

- Chính phủ: Đóng vai trò điều tiết và cung cấp các chính sách hỗ trợ ĐMST;
- Doanh nghiệp: Là trung tâm ứng dụng và triển khai các giải pháp ĐMST;

- Viện nghiên cứu: Đóng góp vào việc nghiên cứu, phát triển công nghệ và cung cấp các tri thức nền tảng;
- Người tiêu dùng: Đưa ra phản hồi và nhu cầu, định hướng các hoạt động ĐMST.



Hình 3. Mô hình hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

Mô hình tập trung vào sự tương tác giữa các thành phần này, nhấn mạnh rằng sự hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau là yếu tố cốt lõi để thúc đẩy ĐMST bền vững.

3. Phương pháp nghiên cứu và kết quả

3.1. Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp và sơ cấp

Để thực hiện nghiên cứu về ĐMST mở trong SME tại Hà Nội, tác giả đã triển khai phương pháp thu thập dữ liệu qua ba hình thức chính: nghiên cứu tài liệu, phỏng vấn chuyên gia và khảo sát doanh nghiệp.

3.1.1. Nghiên cứu tài liệu

Nguồn tài liệu

Báo cáo Khoa học, Công nghệ và ĐMST năm 2020 do Ngân hàng thế giới thực hiện năm 2020.

Đề án hội nhập và hợp tác quốc tế thành phố Hà Nội đến năm 2030 (ban hành kèm theo Quyết định số 887/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội).

Báo cáo trong nước và quốc tế, sách, bài báo nghiên cứu khoa học, các cuộc hội thảo liên quan đến ĐMST và ĐMST mở trong doanh nghiệp.

Lệnh Thủ đô số 39/2024/QH15 ngày 28/6/2024.

Mục đích: Nghiên cứu tài liệu nhằm tổng hợp và phân tích các thông tin hiện có từ các báo cáo, sách, bài viết khoa học trong nước và quốc tế về ĐMST mở và các mô hình áp dụng của nó, từ đó áp dụng trong bối cảnh của các DNNVV tại Hà Nội.

Quy trình thực hiện

Tài liệu sử dụng: Tại các cơ sở dữ liệu học thuật, thư viện điện tử, các báo cáo nghiên cứu, sách chuyên khảo, bài viết khoa học có liên quan.

Chọn lọc các tài liệu phù hợp và có giá trị cao nhất để đảm bảo tính chính xác và đầy đủ của thông tin.

Tổng hợp và phân tích: Đọc, tóm tắt, và phân tích các tài liệu để xây dựng cơ sở lý thuyết và khung nghiên cứu cho đề tài. Chú trọng đến các xu hướng và phát hiện quan trọng về ĐMST mở trong bối cảnh các DNNVV và tại Hà Nội. Góp phần thúc đẩy và thực thi giúp Hà Nội trở thành thành phố về ĐMST trong thời gian tới.

3.1.2. Phỏng vấn chuyên gia

Phòng vấn chuyên gia trong hệ sinh thái ĐMST, nhằm thu thập ý kiến, kinh nghiệm và quan điểm từ những người có chuyên môn sâu về ĐMST, quản lý các DNNVV và các hoạt động nghiên cứu và phát triển.

Lựa chọn chuyên gia: Xác định và chọn lọc các chuyên gia có uy tín trong lĩnh vực ĐMST và quản lý hệ sinh thái các DNNVV như chủ tịch các hiệp hội DNNVV, hội doanh nhân trẻ Hà Nội, hội doanh nhân tư nhân tại Hà Nội, các trung tâm ươm tạo doanh nghiệp khởi nghiệp tại Hà Nội.

Các chuyên gia là các giáo sư, giảng viên, nhà nghiên cứu, nhà quản lý trong ngành công nghiệp và các cổ vấn doanh nghiệp về ĐMST.

Thiết kế bảng câu hỏi phỏng vấn: Tác giả xây dựng một bộ câu hỏi phỏng vấn chi tiết, bao gồm các vấn đề chính liên quan đến sự hiểu biết và sẵn sàng về ĐMST mở và các mô hình ĐMST mở, chuyển đổi số, công nghệ, nguồn tài chính, các thách thức và cơ hội từ thị trường.

Thu thập và phân tích dữ liệu: Ghi lại và phân tích các thông tin thu được từ các cuộc phỏng vấn để rút ra các kết luận, đề xuất dựa trên những quan điểm và kinh nghiệm của chuyên gia.

3.1.3. Khảo sát doanh nghiệp

Số liệu sơ cấp thông qua phỏng vấn trực tiếp 38 doanh nghiệp có ĐMST trên địa bàn Hà Nội năm 2024. Phỏng vấn tập trung làm rõ những yếu tố được cho là có tác động tới năng lực ĐMST tại doanh nghiệp, tầm quan trọng của những yếu tố này, các hỗ trợ hoặc hạn chế khác tác động tới ĐMST, đặc biệt là ảnh hưởng từ chính sách đề từ đó đề xuất các giải pháp.

Thiết kế bảng câu hỏi khảo sát và khảo sát trực tiếp theo nhóm trong các chương trình hội thảo về ĐMST đến các DNNVV tại Hà Nội, thông qua các chương trình:

- Tổ chức hội thảo nhỏ về nhu cầu tiếp cận vốn lãi suất ưu đãi có yêu cầu yếu tố ĐMST cho DNNVV cùng với các đối tác tài trợ vốn;
- Tổ chức chương trình đào tạo về ĐMST và ĐMST mở trong doanh nghiệp cho DNNVV;

- Phỏng vấn sâu với các chủ doanh nghiệp, giám đốc phụ trách kinh doanh - marketing tại các hiệp hội DNNVV, doanh nghiệp trẻ, các nhà sáng lập khởi nghiệp.

3.2. Phương pháp phân tích dữ liệu

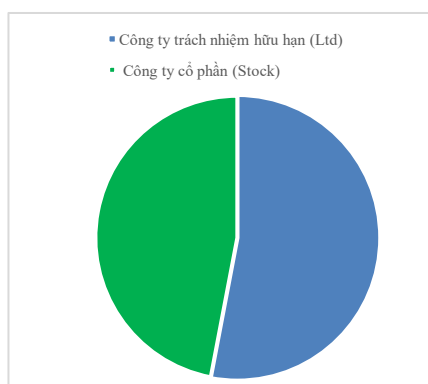
Phân tích định tính: sử dụng phương pháp mã hóa để phân tích dữ liệu từ phỏng vấn.

Phân tích định lượng: sử dụng các công cụ thống kê để phân tích dữ liệu từ khảo sát.

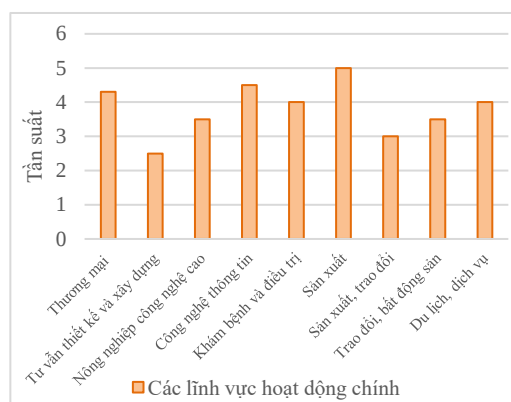
Nghiên cứu sử dụng phần mềm SPSS 26.0 để phân tích nhân tố và kiểm định độ tin cậy của số liệu và sử dụng mô hình hồi quy tương quan để kiểm định mối quan hệ giữa biến phụ thuộc và các biến độc lập.

3.3. Kết quả nghiên cứu

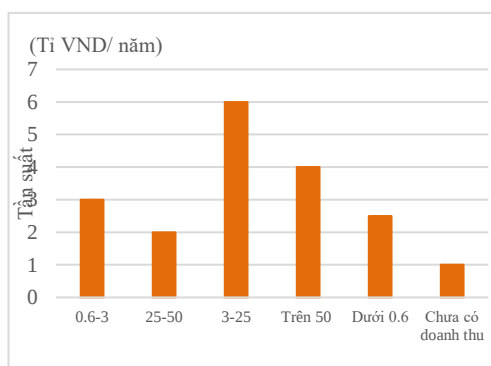
a. Các loại hình kinh doanh



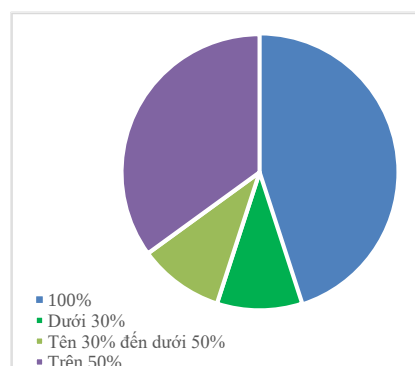
b. Các lĩnh vực hoạt động chính



c. Doanh thu



d. Tỷ lệ vốn chủ sở hữu (%)



Trong số 38 doanh nghiệp khảo sát, 14 doanh nghiệp (36,8%) hoạt động trong lĩnh vực công nghệ, 10 doanh nghiệp (26,3%) trong sản xuất, 8 doanh nghiệp (21,1%) trong lĩnh vực thương mại, và 6 doanh nghiệp (15,8%) trong các ngành dịch vụ. Lĩnh vực công nghệ và sản xuất chiếm tỷ lệ lớn, cho thấy đây là các ngành có sự yêu cầu cao về ĐMST và nghiên cứu phát triển. Các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thường phải liên tục đổi mới sản phẩm và quy trình để duy trì tính cạnh tranh, trong khi các doanh nghiệp sản xuất cũng cần đổi mới để nâng cao hiệu quả và giảm chi phí.

Doanh thu trung bình của các doanh nghiệp khảo sát là khoảng 50 tỷ VNĐ mỗi năm, với doanh thu dao động từ 10 tỷ đến 200 tỷ VNĐ. 12 doanh nghiệp (31,6%) có doanh thu dưới 20 tỷ VNĐ, 14 doanh nghiệp (36,8%) có doanh thu từ 20 tỷ đến 50 tỷ VNĐ và 12 doanh nghiệp còn lại (31,6%) có doanh thu từ 50 tỷ VNĐ trở lên. Doanh thu đóng vai trò quan trọng trong việc quyết định khả năng tài chính của doanh nghiệp để đầu tư vào ĐMST. Các doanh nghiệp có doanh thu thấp hơn 20 tỷ VNĐ thường gặp khó khăn trong việc đầu tư vào nghiên cứu và phát triển do hạn chế về tài chính. Trong khi đó, các doanh nghiệp có doanh thu cao hơn 50 tỷ VNĐ có khả năng tài chính mạnh mẽ hơn, cho phép họ đầu tư vào công nghệ mới và sáng kiến sáng tạo để duy trì và phát triển.

Tỷ lệ vốn chủ sở hữu trung bình của các doanh nghiệp khảo sát là 45%, với tỷ lệ vốn chủ sở hữu dao động từ 20% đến 70%. 10 doanh nghiệp (26,3%) có tỷ lệ vốn chủ sở hữu dưới 30%, 16 doanh nghiệp (42,1%) có tỷ lệ từ 30% đến 50%, và 12 doanh nghiệp còn lại (31,6%) có tỷ lệ vốn chủ sở hữu từ 50% trở lên. Các doanh nghiệp có tỷ lệ vốn chủ sở hữu cao (trên 50%) thường có sự độc lập tài chính mạnh mẽ, giúp họ chủ động trong các quyết định đầu tư vào ĐMST mà không phụ thuộc quá nhiều vào các nguồn vốn vay hoặc bên ngoài. Trong khi đó, các doanh nghiệp có tỷ lệ vốn chủ sở hữu thấp hơn (dưới 30%) thường gặp khó khăn trong việc duy trì hoạt động và đầu tư vào ĐMST do sự phụ thuộc vào nguồn vốn vay.

4. Hàm ý chính sách đổi mới sáng tạo mở đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Hà Nội

4.1. Chính sách hỗ trợ từ Chính phủ và chính quyền Thành phố

Một trong những chính sách quan trọng mà Chính phủ và chính quyền thành phố Hà Nội đã triển khai nhằm thúc đẩy ĐMST trong DNNVV chính là việc thành lập các quỹ hỗ trợ ĐMST. Quỹ này đóng vai trò thiết yếu trong việc cung cấp nguồn lực tài chính cho các DNNVV, đặc biệt là trong việc nghiên cứu, phát triển sản phẩm và ứng dụng công nghệ mới, giúp các doanh nghiệp này vượt qua những rào cản về tài chính khi tham gia vào quá trình ĐMST.

Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia (NATIF) được thành lập theo các Quyết định số 1342/QĐ-TTg ngày 05/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ và được điều chỉnh, bổ sung điều lệ tổ chức và hoạt động tại Quyết định số 04/2021/QĐ-TTg ngày 29/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia. NATIF là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách trực thuộc Bộ Khoa

học và Công nghệ, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, thực hiện chức năng cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, bảo lãnh để vay vốn và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao, đổi mới và hoàn thiện công nghệ.

Tại Hà Nội, chính quyền Thành phố cũng đã xây dựng các quỹ địa phương như Quỹ hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (Hanoi Innovation Fund), với mục tiêu không chỉ hỗ trợ tài chính mà còn kết hợp với các dịch vụ tư vấn và hỗ trợ kỹ thuật cho DNNVV, giúp họ tiếp cận các nguồn lực sáng tạo và đổi mới. Các quỹ này đã được sử dụng để đầu tư vào các dự án khởi nghiệp sáng tạo trong các ngành như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học và các ngành công nghiệp sáng tạo khác.

Dù các quỹ hỗ trợ ĐMST đã mang lại những kết quả đáng kể, tuy nhiên, vẫn tồn tại một số thách thức trong việc triển khai và vận hành hiệu quả các quỹ này. Theo khảo sát của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), chỉ có khoảng 30% DNNVV biết đến và tiếp cận được các nguồn quỹ này. Nguyên nhân chủ yếu là do thiếu thông tin, thủ tục xin vay vốn phức tạp và nhiều doanh nghiệp vẫn chưa đủ năng lực về hồ sơ xin tài trợ. Đặc biệt, một số quỹ chưa thực sự gắn kết với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp, dẫn đến hiệu quả sử dụng nguồn vốn chưa cao.

Tăng cường truyền thông và đào tạo về quỹ hỗ trợ: Chính phủ và chính quyền thành phố Hà Nội cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền về các quỹ hỗ trợ ĐMST, đặc biệt là thông qua các kênh truyền thông và các hội thảo, hội nghị chuyên đề. Đồng thời, tổ chức các khóa đào tạo, tư vấn cho các doanh nghiệp về cách thức tiếp cận và sử dụng quỹ hiệu quả.

Đơn giản hóa thủ tục xin tài trợ: Các thủ tục hành chính xin tài trợ cần được đơn giản hóa và minh bạch hơn. Việc xét duyệt và giải ngân các khoản tài trợ cũng cần được cải tiến để nhanh chóng và hiệu quả hơn, giúp các DNNVV giảm thiểu thời gian và chi phí.

Tạo sự kết nối giữa các doanh nghiệp và quỹ hỗ trợ: Cần phát triển các nền tảng kết nối giữa các doanh nghiệp với các quỹ hỗ trợ, nơi mà các doanh nghiệp có thể tìm hiểu về các cơ hội tài trợ, đồng thời có thể hợp tác với các tổ chức nghiên cứu, các trường đại học và viện nghiên cứu để nâng cao chất lượng các dự án ĐMST.

Chính sách hỗ trợ không chỉ về tài chính mà còn về kỹ thuật: Các quỹ hỗ trợ ĐMST cần không chỉ dừng lại ở việc cung cấp nguồn tài chính mà còn phải đi kèm với dịch vụ tư vấn kỹ thuật, hỗ trợ chuyển giao công nghệ và đào tạo nhân lực cho các DNNVV. Điều này sẽ giúp các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ mới và cải tiến quy trình sản xuất một cách hiệu quả hơn.

Đánh giá hiệu quả và điều chỉnh quỹ định kỳ: Cần thiết lập một cơ chế đánh giá hiệu quả của các quỹ hỗ trợ ĐMST sau mỗi giai đoạn triển khai. Dựa trên kết quả đánh giá, Chính phủ và chính quyền Thành phố sẽ điều chỉnh các chính sách và quy trình liên quan đến quỹ hỗ trợ sao cho phù hợp với tình hình thực tế và nhu cầu của doanh nghiệp.

4.2. Giải pháp về công nghệ hỗ trợ đổi mới sáng tạo các doanh nghiệp nhỏ và vừa

Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, việc ứng dụng công nghệ vào hoạt động ĐMST đã trở thành yếu tố sống còn để DNNVV nâng cao năng lực cạnh tranh và thích nghi với thị trường toàn cầu. Tuy nhiên, thực trạng hiện nay tại Hà Nội cho thấy, chỉ khoảng 25% DNNVV sử dụng công nghệ hiện đại trong sản xuất và kinh doanh, thấp hơn đáng kể so với các đô thị lớn trong khu vực như Singapore (65%) hay Bangkok (55%), theo Sở Khoa học và Công nghệ TP. Hà Nội (2023). Để thúc đẩy ĐMST và tăng cường hiệu quả hoạt động cho DNNVV, các giải pháp công nghệ cần được triển khai đồng bộ, dựa trên nền tảng khoa học, tài chính và nhân lực.

Một trong những giải pháp quan trọng là xây dựng nền tảng số hóa chuyên biệt để hỗ trợ DNNVV tiếp cận công nghệ và tài nguyên đổi mới. Nền tảng này cần tích hợp các kho dữ liệu mở về thị trường, hành vi khách hàng và công nghệ mới, kết hợp với các công cụ trực tuyến như phần mềm mô phỏng sản phẩm hay tối ưu hóa quy trình sản xuất. Nghiên cứu của McKinsey (2022) chỉ ra rằng, việc sử dụng nền tảng số có thể tăng 40% hiệu quả ĐMST và giảm 20% chi phí triển khai. Đây sẽ là cầu nối giữa doanh nghiệp với các cơ hội đổi mới trong kỷ nguyên số.

Bên cạnh đó, thúc đẩy chuyển giao công nghệ giữa doanh nghiệp và các viện nghiên cứu, trường đại học là một hướng đi cần thiết. Hà Nội có thể xây dựng các chương trình hợp tác tập trung vào trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT) và tự động hóa, phù hợp với các ngành công nghiệp trọng điểm như logistics, công nghiệp hỗ trợ và sản xuất chế tạo. Mô hình “Techno Parks” tại Hàn Quốc là một ví dụ thành công, khi hơn 70% DNNVV tại đây tăng năng suất nhờ vào sự hỗ trợ công nghệ và chuyển giao kỹ thuật. Hà Nội có thể học hỏi và áp dụng mô hình này để thúc đẩy ĐMST tại địa phương.

Vấn đề tài chính cũng cần được quan tâm, khi các DNNVV thường gặp khó khăn trong việc đầu tư vào công nghệ do hạn chế nguồn vốn. Thành phố có thể thiết lập các gói vay ưu đãi hoặc quỹ tài trợ riêng cho các doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ hiện đại như hệ thống ERP (quản lý tài nguyên doanh nghiệp) hay phần mềm CRM (quản lý khách hàng). Theo Ngân hàng Thế giới (2021), các DNNVV tại Việt Nam chỉ dành trung bình 1,6% doanh thu để đầu tư công nghệ, thấp hơn so với Thái Lan (3,4%) và Malaysia (4,1%). Chính sách hỗ trợ tài chính sẽ giúp doanh nghiệp mạnh dạn hơn trong việc ứng dụng công nghệ, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh.

Đào tạo nhân lực công nghệ cũng là một giải pháp thiết yếu. Đội ngũ lao động cần được trang bị kỹ năng công nghệ số như lập trình cơ bản, phân tích dữ liệu và vận hành các công cụ tự động hóa. Theo khảo sát của Deloitte (2023), 80% doanh nghiệp cho rằng thiếu kỹ năng công nghệ ở nhân sự là rào cản chính trong việc áp dụng công nghệ mới. Thành phố có thể tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn, hợp tác với các trường đại học và tổ chức quốc tế để xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao.

Ngoài ra, khuyến khích áp dụng công nghệ xanh sẽ giúp các doanh nghiệp không chỉ nâng cao hiệu quả mà còn phát triển bền vững. Các chính sách ưu

đãi thuế hoặc trợ cấp cho doanh nghiệp sử dụng công nghệ xử lý chất thải thông minh và tiết kiệm năng lượng sẽ thúc đẩy sự phát triển xanh trong khu vực. Điều này không chỉ góp phần bảo vệ môi trường mà còn tăng cường hình ảnh của doanh nghiệp trên thị trường quốc tế.

Cuối cùng, tăng cường hợp tác quốc tế về công nghệ là giải pháp lâu dài để các DNNVV tiếp cận các giải pháp ĐMST tiên tiến. Hà Nội cần chủ động tham gia các chương trình hợp tác công nghệ với các nước phát triển như Nhật Bản, Đức, và Singapore, từ đó học hỏi kinh nghiệm và nâng cao năng lực quản lý, vận hành công nghệ hiện đại.

Giải pháp công nghệ hỗ trợ ĐMST cho DNNVV tại Hà Nội cần được triển khai toàn diện và đồng bộ, từ việc xây dựng nền tảng số, tăng cường chuyển giao công nghệ, hỗ trợ tài chính, đào tạo nhân lực đến thúc đẩy công nghệ xanh và hợp tác quốc tế. Nếu được thực hiện hiệu quả, các giải pháp này không chỉ nâng cao năng lực cạnh tranh của DNNVV mà còn góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của kinh tế Thủ đô trong dài hạn.

4.3. Giải pháp về tài chính hỗ trợ đổi mới sáng tạo các doanh nghiệp nhỏ và vừa

Tài chính là yếu tố then chốt quyết định khả năng thực hiện các hoạt động ĐMST của DNNVV. Tuy nhiên, một khảo sát của Bộ Kế hoạch và Đầu tư năm 2023 cho thấy, chỉ 30% DNNVV tại Hà Nội tiếp cận được các nguồn vốn ưu đãi, trong khi hơn 50% doanh nghiệp cho rằng thiếu vốn là rào cản chính khiến họ không thể đầu tư vào ĐMST. Để giải quyết vấn đề này, chính quyền Thành phố cần xây dựng một hệ sinh thái tài chính linh hoạt và đa dạng nhằm hỗ trợ DNNVV hiệu quả hơn trong hoạt động đổi mới.

Hà Nội cần thiết lập các quỹ hỗ trợ ĐMST dành riêng cho DNNVV, tập trung vào các lĩnh vực công nghệ cao, năng lượng xanh và chuyển đổi số. Các quỹ này nên hoạt động theo hình thức hỗ trợ không hoàn lại một phần hoặc cho vay lãi suất thấp để giảm bớt áp lực tài chính cho doanh nghiệp. Theo Ngân hàng Thế giới (2022), những doanh nghiệp nhận được hỗ trợ tài chính ưu đãi có khả năng tăng năng suất lên tới 20%-30% so với doanh nghiệp không được hỗ trợ. Hà Nội có thể học hỏi kinh nghiệm từ Quỹ ĐMST của Singapore, nơi đã tài trợ hơn 1,5 tỷ USD cho các DNNVV trong giai đoạn 2016 - 2021.

Hà Nội cần xây dựng các chương trình bảo lãnh tín dụng nhằm giúp DNNVV dễ dàng tiếp cận các khoản vay từ ngân hàng và tổ chức tài chính. Hiện tại, nhiều DNNVV không đủ tài sản thế chấp hoặc lịch sử tín dụng yếu, dẫn đến việc bị từ chối vay vốn. Chương trình bảo lãnh tín dụng sẽ đóng vai trò như một “cầu nối,” giúp doanh nghiệp vượt qua rào cản này. Theo kinh nghiệm từ Hàn Quốc, chương trình bảo lãnh tín dụng tại nước này đã hỗ trợ hơn 90.000 doanh nghiệp nhỏ mỗi năm, với tổng giá trị bảo lãnh lên tới 21 tỷ USD, góp phần trực tiếp thúc đẩy đổi mới và tăng trưởng kinh tế.

Hà Nội cần thúc đẩy hợp tác công - tư trong việc tạo ra các gói tài chính hỗ trợ. Các doanh nghiệp lớn hoặc tổ chức quốc tế có thể tham gia đầu tư mạo hiểm hoặc tài trợ cho các dự án ĐMST của DNNVV thông qua các chương trình hợp tác. Đồng thời, Thành phố nên đưa ra các chính sách ưu đãi về thuế

hoặc tín dụng cho các tổ chức tham gia tài trợ, từ đó khuyến khích sự tham gia rộng rãi hơn của các bên liên quan.

Hà Nội cần tăng cường giáo dục tài chính cho DNNVV, giúp họ nâng cao năng lực quản lý tài chính và xây dựng kế hoạch đầu tư hiệu quả vào ĐMST. Nhiều doanh nghiệp nhỏ hiện chưa hiểu rõ về các nguồn tài chính sẵn có hoặc không biết cách tối ưu hóa chi phí cho hoạt động đổi mới. Các khóa đào tạo hoặc hội thảo chuyên đề sẽ là giải pháp thiết thực để khắc phục tình trạng này.

4.4. Giải pháp về nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực chất lượng cao là yếu tố then chốt để thúc đẩy hoạt động ĐMST của DNNVV. Tuy nhiên, báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội năm 2023 cho thấy, gần 70% DNNVV trên địa bàn gặp khó khăn trong việc tuyển dụng và duy trì nhân sự có kỹ năng phù hợp với yêu cầu ĐMST, đặc biệt là trong các lĩnh vực công nghệ cao và chuyển đổi số. Để giải quyết vấn đề này, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và số lượng nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của doanh nghiệp.

Hà Nội cần xây dựng các chương trình đào tạo chuyên sâu về ĐMST, tập trung vào các kỹ năng như quản lý dự án đổi mới, tự duy sáng tạo và ứng dụng công nghệ hiện đại. Các chương trình này có thể được triển khai thông qua sự hợp tác giữa chính quyền, các trường đại học và doanh nghiệp. Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), các quốc gia đầu tư mạnh vào đào tạo nguồn nhân lực ĐMST, như Đức và Hàn Quốc, đã đạt được tốc độ tăng trưởng năng suất lao động trung bình cao hơn 25% so với các quốc gia không chú trọng lĩnh vực này.

Hà Nội cần phát triển các cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp trong việc thu hút và giữ chân nhân tài, chẳng hạn như ưu đãi về thuế hoặc hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp có chính sách lương thưởng cạnh tranh và môi trường làm việc sáng tạo. Một khảo sát của Viện Nghiên cứu Kinh tế Trung ương năm 2022 chỉ ra rằng, những doanh nghiệp có chính sách đãi ngộ tốt và môi trường làm việc linh hoạt có tỷ lệ giữ chân nhân sự cao hơn 40% so với doanh nghiệp thông thường. Hà Nội cần áp dụng chính sách này để tạo động lực cho doanh nghiệp đầu tư nhiều hơn vào nguồn nhân lực.

Hà Nội cần xây dựng các trung tâm tư vấn và hỗ trợ ĐMST đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối nguồn nhân lực chất lượng cao với DNNVV. Các trung tâm này không chỉ cung cấp thông tin, tư vấn kỹ thuật mà còn có thể tổ chức các chương trình thực tập, học việc giữa sinh viên và doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp tìm kiếm được nhân lực phù hợp ngay từ khi còn trên ghế nhà trường. Theo kinh nghiệm từ Israel, các trung tâm ĐMST đã kết nối hơn 50.000 sinh viên với các công ty khởi nghiệp, giúp thúc đẩy cả nguồn nhân lực lẫn tăng trưởng kinh tế.

Hà Nội cần khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào tự đào tạo nhân lực thông qua việc thiết lập các phòng nghiên cứu và phát triển (R&D). Điều này không chỉ giúp doanh nghiệp nâng cao trình độ chuyên môn của nhân sự mà còn cải thiện khả năng tự chủ về công nghệ. Để hỗ trợ, chính quyền có thể

cung cấp các gói hỗ trợ tài chính hoặc ưu đãi đặc biệt cho các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động đào tạo và phát triển nội bộ.

4.5. Giải pháp đầu tư cho nghiên cứu và phát triển (R&D)

Đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D) là yếu tố cốt lõi để thúc đẩy ĐMST trong DNNVV tại Hà Nội. Thực tế, báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ năm 2023 cho thấy, chỉ 10% DNNVV tại Việt Nam có hoạt động R&D thường xuyên, trong khi con số này ở các nước phát triển như Nhật Bản và Hàn Quốc là 40 - 50%. Việc thiếu hụt nguồn lực đầu tư vào R&D đã làm hạn chế khả năng sáng tạo, áp dụng công nghệ và nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp này.

Để giải quyết vấn đề, trước hết, Hà Nội cần có chính sách khuyến khích mạnh mẽ từ chính quyền Hà Nội nhằm tạo điều kiện cho DNNVV đầu tư vào R&D. Chính quyền có thể thiết lập các quỹ hỗ trợ R&D chuyên biệt, cung cấp vốn ưu đãi hoặc tài trợ không hoàn lại cho các dự án R&D tiềm năng. Kinh nghiệm từ Singapore cho thấy, việc thành lập quỹ R&D quốc gia đã giúp tăng gấp đôi tỷ lệ doanh nghiệp triển khai R&D, góp phần nâng GDP ngành công nghiệp công nghệ cao lên 18% vào năm 2022.

Hà Nội cần thúc đẩy hợp tác giữa doanh nghiệp, trường đại học và viện nghiên cứu nhằm chia sẻ nguồn lực và giảm chi phí R&D cho các DNNVV. Hà Nội có thể học hỏi từ mô hình “cụm ĐMST” tại Thâm Quyển (Trung Quốc), nơi doanh nghiệp được kết nối với các tổ chức nghiên cứu để tiếp cận công nghệ mới, chia sẻ phòng thí nghiệm và nhân sự, từ đó rút ngắn thời gian phát triển sản phẩm và giảm 30 - 40% chi phí.

Ngoài ra, Hà Nội cần đầu tư xây dựng các trung tâm ĐMST và công nghệ hỗ trợ DNNVV, cung cấp cơ sở vật chất hiện đại, dịch vụ tư vấn và hỗ trợ triển khai R&D. Theo một khảo sát của OECD, các doanh nghiệp có sự hỗ trợ từ các trung tâm công nghệ đạt hiệu quả ĐMST cao hơn 35% so với các doanh nghiệp tự phát triển. Hà Nội nên tập trung xây dựng ít nhất 2 - 3 trung tâm R&D công nghệ cao để hỗ trợ các ngành chiến lược như công nghệ thông tin, sản xuất thông minh, và năng lượng tái tạo.

Hà Nội cần khuyến khích doanh nghiệp đầu tư lâu dài vào R&D, Thành phố cần áp dụng các chính sách ưu đãi thuế, chẳng hạn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho phần chi phí đầu tư R&D. Theo nghiên cứu của Viện Brookings, việc áp dụng ưu đãi thuế tại Hoa Kỳ đã giúp doanh nghiệp tăng đầu tư vào R&D trung bình 20% trong vòng 5 năm, đồng thời tạo ra nhiều sản phẩm và dịch vụ mới có giá trị gia tăng cao.

5. Kết luận

ĐMST là yếu tố sống còn để các DNNVV tại Hà Nội nâng cao năng lực cạnh tranh, thích ứng với nền kinh tế số và hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, để thúc đẩy ĐMST hiệu quả, cần có sự đồng hành từ chính sách hỗ trợ của Chính phủ và Thành phố, sự đầu tư bài bản vào R&D, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, cũng như cải thiện hạ tầng công nghệ và tài chính. Những giải pháp này không chỉ giúp doanh nghiệp vượt qua thách thức hiện tại mà

còn đặt nền móng cho một hệ sinh thái ĐMST bền vững, đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế-xã hội của Thủ đô. Thành công của chiến lược này đòi hỏi nỗ lực phối hợp chặt chẽ giữa doanh nghiệp, chính quyền, và các tổ chức nghiên cứu, từ đó biến Hà Nội thành trung tâm ĐMST hàng đầu của khu vực./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (2017). Văn bản luật số: 04/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017
2. Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 ngày 28/06/2024.
3. Schwab, K. (2016). The Fourth Industrial Revolution. World Economic Forum.
4. Chesbrough, H. (2003). Open Innovation: The New Imperative for Creating and Profiting from Technology
5. Gassmann, O., Enkel, E., & Chesbrough, H. (2010). The future of open innovation. *R&D Management*, 40(3), 213-221.
6. Chesbrough, H., & Bogers, M. (2014). Explicating Open Innovation: Clarifying an Emerging Paradigm for Understanding Innovation. In *New Frontiers in Open Innovation* (pp. 3-28). Oxford University Press.
7. Chesbrough, H., & Crowther, A. (2006). Beyond High Tech: Early Adopters of Open Innovation in Other Industries. *R&D Management*, 36(3), 229-236.
8. Chesbrough, H., & Rosenbloom, R. S. (2002). The Role of the Business Model in Capturing Value from Innovation: Evidence from Xerox Corporation's Technology Spin-Offs. *Industrial and Corporate Change*, 11(3), 529-555
9. Chesbrough, H. (2003). Open Innovation: The New Imperative for Creating and Profiting from Technology. Harvard Business Review Press
10. Chesbrough, H. (2006). Open Business Models: How to Thrive in the New Innovation Landscape. Harvard Business Review Press.
11. Howe, J. (2008). Crowdsourcing: Why the Power of the Crowd Is Driving the Future of Business. Crown Business
12. Chesbrough, H. W. (2012). "Open Innovation: Where We've Been and Where We're Going". *Research-Technology Management*, 55(4), 20-27
13. Von Hippel, E. (2005). Democratizing Innovation. MIT Press.
14. Blank, S. (2013). The Lean Startup: How Today's Entrepreneurs Use Continuous Innovation to Create Radically Successful Businesses. Crown Business
15. Arora, A., & Gambardella, A. (1994). "Evaluating Technological Change: A Study of Technology Licensing". *Research Policy*, 23(2), 115-137
16. Tushman, M. L., & O'Reilly, C. A. (1996). "Ambidextrous Organizations: Managing Evolutionary and Revolutionary Change". *California Management Review*, 38(4), 8-30.
17. Bessant, J., & Tidd, J. (2015). Innovation and Entrepreneurship: Designing for Change. Wiley.
18. Bộ Kế hoạch và Đầu tư. (2023). Tình hình hoạt động của doanh nghiệp 6 tháng đầu năm, năm 2023. [Trực tuyến] Có sẵn tại: <https://www.mpi.gov.vn>
19. Hà Nội Online. (2024). Bố trí nguồn lực, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa
20. Hà Nội Portal. (2021). Thông tin kinh tế Hà Nội.